TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VƯC 10 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS- ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phùng Văn Thông.
2. Ông Nguyễn Ngọc Triển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST- DS ngày 08 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1.NguY đơn: Công ty Cổ phần M.

Địa chỉ: tầng 9, Tòa nhà V, số 09 D phường N, T phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T; Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Quốc T; Chức vụ: Giám đốc Công ty (tại văn bản ủy quyền số: 01/2024/UQ - MARS ngày 19/4/2024).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tiến T; Chức vụ: ChuY viên xử lý nợ.

Địa chỉ L hệ: Tầng 9, Tòa nhà V, số 09 D, phường N, T phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn:

+ Ông Dương Văn Y, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Ông Lê Văn L, sinh năm 1983 và bà

Nguyễn Thị G, sinh năm 1979 (là vợ ông L).

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh Phú Thọ (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguY đơn, ông Nguyễn Tiến T trình bày: Theo (các) Hợp đồng cho vay hạn mức, Hợp đồng cho vay, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm và các Khế ước nhận nợ, văn bản tín dụng đính kèm ký giữa VPBank với ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N, ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N đã có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) với tổng số tiền vay là 3,049,000,000 (Bằng chữ: Ba tỷ, không trăm bốn chín triệu đồng), cụ thể theo (các) Hợp đồng N dưới đây:

Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2109084257323 ký ngày 16/09/2021, Khế ước nhận nợ ngày 22/09/2022. Số tiền cho vay: 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng); Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh thực phẩm; Phương thức giải ngân: Chuyển khoản; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,5%/năm (lãi suất được tính theo năm, một năm là 365 ngày);Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiền là ngày đầu tiên sau thời gian cố định. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng cho khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4,2%/năm; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với phần lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi Nng tối đa không vượt quá 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với phần dư nợ lãi chậm trả. Mức lãi suất này áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển nợ quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn. Thỏa thuận về trả nợ gốc và lãi: Các kỳ trả nợ gốc, bên vay phải trả nợ gốc vào cuối kỳ (ngày kết thúc hợp đồng). Các kỳ trả nợ lãi, bên vay phải trả nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 15/10/2022.

Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2212057675690 ký ngày 14/12/2022 (Giải ngân bằng 02 Khế ược nhận nợ ngày 21/12/2022 và 22/12/2022). Số tiền cho vay: Khế ước ngày 21/12/2022: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); Khế ước ngày 22/12/2022: 17.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh thực phẩm; Phương thức giải giân: Chuyển khoản; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 13%/năm (lãi suất được tính theo năm, một năm là 365 ngày); Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần,

ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiền là ngày đầu tiên sau thời gian cố định. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng cho khoản vay có TSBĐ dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,5%/năm; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với phần lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi Nng tối đa không vượt quá 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với phần dư nợ lãi chậm trả. Mức lãi suất này áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển nợ quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn. Thỏa thuận về trả nợ gốc và lãi: Các kỳ trả nợ gốc, bên vay phải trả nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng. Các kỳ trả nợ lãi, bên vay phải trả nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 24/12/2021. Số tiền cho vay: 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng); Thời hạn cho vay: 48 tháng; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; Phương thức giải giân: Chuyển khoản; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 20%/năm (lãi suất được tính theo năm, một năm là 365 ngày); Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiền là ngày đầu tiên là ngày đầu tiên của các quý trong năm (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10). Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất tham chiếu. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với phần lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi Nng tối đa không vượt quá 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với phần dư nợ lãi chậm trả. Mức lãi suất này áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển nợ quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn. Thỏa thuận về trả nợ gốc và lãi: Các kỳ trả nợ gốc, bên vay phải trả nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 15/01/2022. Các kỳ trả nợ lãi, bên vay phải trả nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 15/01/2022.

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 01/05/2022. Số tiền cho vay: 99.000.000đ (Chín chín triệu đồng); Mục đích vay: Tiêu dung; Loại thẻ: Platinum Clasback; Lãi suất cho vay: 3,29%/tháng. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với phần lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất trong

hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi Nng tối đa không vượt quá 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với phần dư nợ lãi chậm trả. Mức lãi suất này áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển nợ quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N đã thế chấp (các) tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 476, tờ bản đồ 25 tại: Thôn Nội, xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR976066, số vào sổ cấp GCN CS01195 do Sở tài nguY và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 18/10/2019. Ngày 11/08/2021 tại Sở tài nguY môi trường tỉnh Vĩnh Phúc – Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Vĩnh Tường đã đăng ký sang tên cho ông Dương Văn Y và vợ là bà Trần Thị N. Tài sản này được thế chấp vào VPBank để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp số LN2109084257323 ký ngày 16/09/2021. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ (các) khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 15/05/2023. VPBank và Công ty Mars đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N không thực hiện.

Số tiền mà ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N đã thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho các hợp đông cụ thể:

Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2109084257323 ký ngày 16/09/2021, Khế ước nhận nợ ngày 22/09/2022: 137,191,279 đồng nợ lãi.

Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2212057675690 ký ngày 14/12/2022 (Giải ngân bằng 02 Khế ược nhận nợ ngày 21/12/2022 và 22/12/2022).

Khế ước nhận nợ ngày 21/12/2022: 33,641,042 đồng nợ lãi.

Khế ước nhận nợ ngày 22/12/2022: 11,374,574 đồng nợ lãi.

Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 24/12/2021: 119,329,652 đồng (Trong đó, nợ gốc: 61,436,433 đồng; nợ lãi: 57,893,219 đồng).

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 01/05/2022: 53,338,985 đồng (Trong đó, nợ gốc: 10,475,837 đồng, nợ lãi: 42,863,148 đồng).

Tuy nhiên ông Y, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ (các) khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 15/05/2023. VPBank và Công ty Mars đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N không thực hiện.

Ngày 29/12/2023, VPBank đồng ý bán và Công ty cổ phần Mars (sau đây gọi tắt là "Công ty Mars") đồng ý mua toàn khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa VPBank với Công ty cổ phần Mars. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty Mars kế thừa quyền, nghĩa vụ của VPBank phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Tính đến ngày 24/07/2025, ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N còn nợ Công ty Mars và VPBank tổng số tiền, cụ thể N sau: 4.638.349.326 đồng, trong đó nợ gốc 2,977,087,730 đồng; Nợ lãi trong hạn: 113,606,045 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1,406,343,462 đồng; Lãi chậm thanh toán: 215,073,839 đồng.

Chi tiết dư nợ của Các Hợp đồng N sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2109084257323 ký ngày 16/09/2021, Khế ước nhận nợ ngày 22/09/2022: Nợ gốc: 2,000,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 71,301,467 đồng; Nợ lãi quá hạn: 873,677,117 đồng; Lãi chậm thanh toán: 146,287,111 đồng. Tổng số tiền là 3,091,265,695 đồng.

Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2212057675690 ký ngày 14/12/2022 (Giải ngân bằng 02 Khế ước nhận nợ ngày 21/12/2022 và 22/12/2022). Nợ gốc: 500,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 22,415,848 đồng; Nợ lãi quá hạn: 183,378,727 đồng; Lãi chậm thanh toán: 30,854,834 đồng. Tổng số tiền là 736,649,409 đồng.

Khế ước nhận nợ ngày 22/12/2022: Nợ gốc: 170,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7,595,859 đồng; Nợ lãi quá hạn: 62,347,320 đồng; Lãi chậm thanh toán: 10,473,593 đồng. Tổng số tiền 250,416,772 đồng.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 24/12/2021: Nợ gốc 218.563.567 đồng; Lãi trong hạn 12.292.871 đồng; Lãi quá hạn 161.529.853 đồng; Lãi trậm thanh toán 27.458.301 đồng. Tổng số tiền là 419.844.592 đồng.

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 01/05/2022: Nợ gốc: 88,524,163 đồng; Nợ lãi: 125,410,445 đồng; Lãi chậm thanh toán: 0 đồng. Tổng số tiền là 177,383,423 đồng.

Đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình Mars đề nghị Tòa án giải quyết, buộc: Dương Văn Y và bà Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Mars toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm thanh toán và các khoản phát sinh L quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 4,638,349,316 đồng. Trong đó nợ gốc là 2,977,087,730 đồng; Nợ lãi trong hạn: 113,606,045 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1,406,343,462 đồng; Lãi chậm thanh toán: 215,073,839 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2025), ông Y và bà N còn phải chịu lãi suất cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể:

Khế ước nhận nợ ngày 22/12/2022 (số tiền gốc 170,000,000 đồng) với mức lãi suất 19,8%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 01/05/2022 (số tiền gốc 88,524,163) với mức lãi suất 59,28/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Khế ước nhận nợ ngày 22/09/2022 (số tiền gốc 2.000.000.000 đồng) với mức lãi suất 21%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 24/12/2021 (số tiền gốc 218.563.567 đồng) với mức lãi suất 33,6%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Khế ước nhận nợ ngày 21/12/2022 (số tiền gốc 500,000,000 đồng) với mức lãi suất 19,8%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Đồng thời ông Y và bà N còn phải chịu số tiền lãi trậm trả lãi 10%/năm cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Mars được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án án kê biên, phát mại các tài sản của ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N để thu hồi nợ cho Công ty Mars, trong đó có các tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 476, tờ bản đồ 25 tại: Thôn Nội, xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR976066, số vào sổ cấp GCN CS01195 do Sở tài nguY và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 18/10/2019. Ngày 11/08/2021 tại Sở tài nguY môi trường tỉnh Vĩnh Phúc – Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Vĩnh Tường đã đăng ký sang tên cho ông Dương Văn Y và vợ là bà Trần Thị N. Đề nghị phát mại theo kết hiện trạng đã được Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ, đối với phần diện tích đất ít hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Công ty Mars không có ý kiến gì.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Công ty Mars cho đến khi các khoản nợ được tất toán (Tài sản thế chấp được đảm bảo cho: Khế ước nhận nợ ngày 22/12/2022; Khế ước nhận nợ ngày 22/09/2022 và Khế ước nhận nợ ngày 21/12/2022).

Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ không yêu cầu bị đơn phải chịu.

Bị đơn, ông Dương Văn Y vắng mặt tại phiên tòa Nng quá trình chuẩn bị xét xử đã có lời trình bày, thể hiện: Năm 2024 ông và bà Trần Thị N đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) giải quyết cho ly hôn (quyết

định thuận tình ly hôn). Khi ly hôn năm 2024 thì ông và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân chia tài sản chung hay đề nghị giải quyết khoản nợ tại Ngân hàng. Ông và bà N cũng không thông báo cho Ngân hàng về việc ly hôn. Ông thừa nhận việc xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là đúng, không yêu cầu Tòa án tuY bố hợp đồng tín dụng bị vô hiệu một phần hay toàn bộ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Mars, ông không có ý kiến gì, đề nghị được miễn toàn bộ khoản tiền lãi. Trường hợp ông và bà N không trả được nợ thì đối với yêu cầu kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của Mars ông không có ý kiến gì. Không đề nghị hợp đồng thế chấp bị vô hiệu một phần hay toàn bộ.

Đồng bị đơn trong vụ án, bà Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt): Quá trình chuẩn bị xét xử bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần Nng đều vắng mặt không có lý do. Bà N không gửi hay giao nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguY đơn và cũng không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị G trình bày: Trong tổng số tiền ông Y, bà N dã vay của Ngân hàng thì vợ chồng bà có sử dụng 2.000.000.000 đồng, vợ chồng bà sẽ chịu trách nhiệm với Ngân hàng đối với số tiền 2.000.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của Mars thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Lê Văn L trình bày: Ông đồng ý với ý kiến, lời tình bày của bà G.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án. Tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Đại diện nguY đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 293, Điều 294, Điều 299 và khoản 3 Điều 307; các Điều 365, 366, 388 và 450 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP – TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào các Điều 293, Điều 294, Điều 299 và khoản 3 Điều 307; 365, 366, 388 và 450 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 24, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP – TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Mars. Buộc ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần Mars số tiền 4,638,349,316đ (Bốn tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười sáu đồng. Trong đó nợ gốc là 2,977,087,730 đồng; Nợ lãi trong hạn: 113,606,045 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1,406,343,462 đồng; Lãi chậm thanh toán: 215,073,839 đồng (tiền lãi tính đến ngày 24/7/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2025), ông Y và bà N còn phải chịu lãi suất cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể:

Khế ước nhận nợ ngày 22/12/2022 (số tiền gốc 170,000,000 đồng) với mức lãi suất 19,8%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 01/05/2022 (số tiền gốc 88,524,163 đồng) với mức lãi suất 59,28/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Khế ước nhận nợ ngày 22/09/2022 (số tiền gốc 2.000.000.000 đồng) với mức lãi suất 21%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 24/12/2021 (số tiền gốc 218.563.567 đồng) với mức lãi suất 33,6%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Khế ước nhận nợ ngày 21/12/2022 (số tiền gốc 500,000,000 đồng) với mức lãi suất 19,8%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Đồng thời ông Y và bà N còn phải chịu số tiền lãi trậm trả lãi 10%/năm cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Y, bà N không thực hiện được việc trả nợ thì Công ty Cổ phần Mars có quyền yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: LN2109084257323 ngày 16/9/2021. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng thửa đất diện tích 145,3m2 (theo hiện trạng), tại thửa số 476, tờ bản đồ số

25 thuộc thôn Nội, xã Vĩnh Hưng, tỉnh Phú Thọ cùng công trìn xây dựng, vật kiên cố trên đất (Tài sản thế chấp được đảm bảo cho: Khế ước nhận nợ ngày 22/12/2022; Khế ước nhận nợ ngày 22/09/2022 và Khế ước nhận nợ ngày 21/12/2022).

Trường hợp khi xử lý tài sản mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Y, bà N tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ Cổ ty Cổ phần phần Mars.

Về chi phí tố tụng: Do nguY đơn không yêu cầu nên Hội đồn xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Y và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguY đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Cổ phần Mars (là bên nhận chuyển Nợng khoản nợ từ Ngân hàng TMCP Việt Nam T – VPBank) khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn là ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Vì vậy quan pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N đều có hộ khẩu thường trú tại xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ). Nay là xã Vĩnh An, tỉnh Phú Thọ. Do đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền.

Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn trong vụ án là ông Dương Văn Y đã được triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; bà Trần Thị N thuộc trường hợp đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Y và bà N.

[2]. Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N ký kết hợp đồng tín dụng trong đó Ngân hàng TMCP Việt Nam T là một tổ chức tín dụng. Do vậy các quy định pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án này là Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung:

3.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguY đơn, Công ty Cổ phần Mars (là bên nhận chuyển Nợng khoản nợ từ Ngân hàng TMCP Việt Nam T - VPBank) đối với

ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N về việc yêu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng thấy rằng: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hò sơ vụ án, lời trình bày của đương sự xác định ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N đã xác lập với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank), các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2109084257323 ký ngày 16/9/2021, khế ước nhận nợ ngày 22/9/2022: Số tiền vay 2.000.000.000 đồng; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2212057675690 ký ngày 14/12/2022: Tổng số tiền vay 517.000.000 đồng; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 24/12/2021: Số tiền vay 280.000.000 đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 01/5/2022: Hạn mức sử dụng là 99.000.000 đồng. Sau khi xác lập hợp đồng tín dụng thì ông Y, bà N đã thực hiện việc trả một phần tiền gốc, tiền lãi cho các hợp đồng tín dụng nêu trên. Quá trình giải quyết vu án ông Y thừa nhận việc xác lập các hợp đồng tín dụng nên trên, không đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng, đề nghị Tòa án tuY bố hợp đồng tín dụng bị vô hiệu một phần hay toàn bộ. Bà N cũng không có ý kiến gì về tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng nêu trên. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các hợp đồng tín dụng đã được xác lập giữa VPBank với ông Y, bà N để giải quyết yêu ầu khởi kiện của nguY đơn theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Y và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nờ và từ ngày 15/5/2023, toàn bộ các khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguY đơn là có căn cứ, đúng pháp luật; được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chuyển Nợng khoản nợ: Ngày 29/12/2023, Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) và Công ty Cổ phần Mars đã ký Hợp đồng chuyển Nợng khoản nợ, theo đó Công ty Mars được quyền kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của VPBank đối với khoản vay của ông Y và bà N, bao gồm cả quyền khởi kiện tại Tòa án và quyền xử lý tài sản bảo đảm. Việc chuyển Nợng khoản nợ giữa VPBank và Công ty Mars là hợp pháp, đúng quy định tại các Điều 365, 366, 388 và 450 Bộ luật Dân sự 2015. Bản thân ông Y và bà N đều đồng ý, không có ý kiến gì.

Đối với mức lãi suất Công ty Mars đề nghị Tòa án buộc ông Y, bà N phải chịu cho từng hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 25/7/2025 cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự trong các hợp đồng tín dụng; phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2. Đối với tài sản bảo đảm: Ông L bà G không đồng ý với yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm của Công ty Mars Nng thực tế ông L, bà G đã chuyển Nợng cho Tạ Quang Nam và bà Nguyễn Thị Ngọc. Ngày 13/10/2019 ông Nam, bà Ngọc đã được Sở Tài nguY và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc(cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích 145,9m2, tại thửa số 476, tờ bản đồ số 75 thuộc thôn Nội, xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ). Ông Nam, bà Ngọc đã chuyển Nợng cho ông Y, bà N. Ông L, bà G đều khẳng định ông Y, bà N đã thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo việc vay vốn của Ngân hàng và đều

không có ý kiến gì (đã sử dụng số tiền 2.000.000.000 đồng trong tổng số tiền ông Y, bà N đã vay tại Ngân hàng). Vì vậy việc ông L, bà G không đồng ý với yêu cầu kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của Công ty Cổ phần Mars là không có căn cứ, ông L và bà G không phải là chủ sở hữu, chủ sử dụng hợp pháp của tài sản bảo đảm. Ông L, bà G có ý kiến sẽ chịu trách nhiệm đối với số tiền 2.000.000.000 đồng do ông Y, bà N đưa cho là ý kiến cá nhân của ông L, bà N không L quan trách nhiệm trả nợ của ông Y, bà N trong vụ án. Các hợp đồng tín dụng được xác lập giữa ông Y, bà N với Ngân hàng thì không có thỏa thuận nào L quan đến quyền lợi hay nghĩa vụ của ông L, bà G. Trường hợp ông L, bà G có tranh chấp với ông Y, bà N thì có quyền khởi kiện đề nghị giải quyết bằng 01 vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án (có sự chứng kiến trực tiếp của ông L, bà G), quyền sử dụng đất có diện tích 145,3m2 (ít hơn diện tích tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 0,6m2). Quyền sử dụng đất đã được phân định mốc giới với các hộ liền kề bằng tường bao loan, tường nhà, không tranh chấp gì với các hộ liền kề về ranh, mốc giới hay hành lang giao thông. Vì vậy việc Công ty Mars chỉ đề nghị kê biên, phát mại theo hiện trạng (145,3m2) là tự nguyện, không trái pháp luật; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng: Do nguY đơn không yêu cầu giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí:

NguY đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn, ông Y và bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào các Điều 293, Điều 294, Điều 299; khoản 3 Điều 307; 365, 366, 388 và 450 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 24, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP – TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Mars. Buộc ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần Mars số

tiền 4,638,349,316đ (Bốn tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười sáu đồng. Trong đó nợ gốc là 2,977,087,730 đồng; Nợ lãi trong hạn: 113,606,045 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1,406,343,462 đồng; Lãi chậm thanh toán: 215,073,839 đồng (tiền lãi tính đến ngày 24/7/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2025), ông Y và bà N còn phải chịu lãi suất cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể:

Khế ước nhận nợ ngày 22/12/2022 (số tiền gốc 170,000,000 đồng) với mức lãi suất 19,8%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 01/05/2022 (số tiền gốc 88,524,163 đồng) với mức lãi suất 59,28/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Khế ước nhận nợ ngày 22/09/2022 (số tiền gốc 2.000.000.000 đồng) với mức lãi suất 21%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm ngày 24/12/2021 (số tiền gốc 218.563.567 đồng) với mức lãi suất 33,6%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Khế ước nhận nợ ngày 21/12/2022 (số tiền gốc 500,000,000 đồng) với mức lãi suất 19,8%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Đồng thời ông Y và bà N còn phải chịu số tiền lãi trậm trả lãi 10%/năm cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Y, bà N không thực hiện được việc trả nợ thì Công ty Cổ phần Mars có quyền yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: LN2109084257323 ngày 16/9/2021. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng thửa đất diện tích 145,3m2 (theo hiện trạng), tại thửa số 476, tờ bản đồ số 25 thuộc thôn Nội, xã Vĩnh Hưng, tỉnh Phú Thọ cùng công trìn xây dựng, vật kiên cố trên đất *(có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án)*.

Tài sản thế chấp được đảm bảo cho: Khế ước nhận nợ ngày 22/12/2022; Khế ước nhận nợ ngày 22/09/2022 và Khế ước nhận nợ ngày 21/12/2022.

Trường hợp khi xử lý tài sản mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Y, bà N tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ Cổ ty Cổ phần phần Mars.

Về án phí: Ông Dương Văn Y và bà Trần Thị N phải chịu 112.638.349 đồng (làm tròn: 112.638.349 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Cổ phần Mars số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005179 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Phú Thọ).

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hưng, tỉnh Phú Thọ (được biết);
- Lưu hồ sơ vụ án + VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Giang